

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA DI SẢN TƯ TƯỞNG CỦA PHAN BỘI CHÂU TRONG NGHIÊN CỨU CHỦ THUYẾT PHÁT TRIỂN VIỆT NAM HIỆN NAY

Chương Thâu*

I. Quan niệm về phát triển ở Việt Nam

Trong phạm vi lý thuyết, ta có rất nhiều vấn đề cần bàn bạc. Chủ thuyết phát triển tuy chưa hình thành một khuynh hướng lý luận (dù có người đã bàn bạc đến), song mặc nhiên người ta phải quan tâm. Xã hội tưởng như đứng yên một chỗ, song thực tế thì nó đang biến chuyển. Các lý thuyết cắt nghĩa ở sự biến chuyển ấy, hình dung ra các bước đi hiện tại và tương lai, tất nhiên là có nằm trong chủ thuyết phát triển.

Ở Việt Nam chúng ta, quan niệm về chủ thuyết phát triển có lẽ chưa từng được đặt ra một cách nghiêm túc. Có hai mặt của một vấn đề. Trước nhất là phải thấy rằng chúng ta từ lâu, không thiên về văn minh vật chất, mặc dầu cuộc sống vật chất luôn luôn đeo đuổi chúng ta. Ta có sự tìm tòi, sự đúc kết kinh nghiệm để làm cho cuộc sống được cải thiện hơn lên, được tuần tự nhi tiến. Do đó mà những sáng kiến, những cải tiến hàng ngày trong cuộc sống - rất phong phú và cũng có ý nghĩa to lớn - đều không được quan tâm đúng mức. Chúng ta luôn luôn giữ gìn cứ để cho cuộc sống cứ tiến dần dần. Thuyết tiệm tiến là một lý thuyết ăn sâu vào tâm lý dân tộc.

Mặt khác, cũng do cái học kinh viện mà ta chịu ảnh hưởng của Hán học. Các nhà thức giả bên Trung Quốc cũng như bên ta luôn luôn có đầu óc phục cổ. Những gì của người xưa đã nghĩ, đã làm, đều là tuyệt vời, không thể thay đổi, thậm chí không thể chỉ trích được. Mà cái cổ đây phải là những thứ cổ sơ, chứ những thời đại cận cổ hay trung cổ thì đã kém lắm rồi, không thể làm gương mẫu được. Nho sinh Việt Nam trước đây viết một bài bình luận về văn hay về sử, nếu nhắc đến các thời đại trước, đã có sẵn một câu dẫn dò, bày vẽ:

*Thuấn Nghiêu tam đại thì khen
Hán Đường trở xuống thì lên cho đau!*

Các vị danh nhân thời cổ ấy, đã bày vẽ cho con người (thời ấy và các đời sau) những điều phải tu dưỡng, phải suy nghĩ..., tóm lại là về đạo sống giữa xã hội cổ sơ. Mà những lời dạy dỗ về cái đạo ấy thì quả là đúng đắn, thiết thực, có thể ứng dụng với đời sống hàng ngày (phần hình nhi hạ) và có thể vươn lên ở tâm triết lý xã hội (phần hình nhi thượng). Ở những hoàn cảnh nhất định của đời sống xã hội, đời sống tâm linh, thì quả thực cái đạo ấy rất là khả thủ. Làm theo được cái đạo như thế, con người mới cảm thấy mình được viên mãn,

* Thành phố Hà Nội.

được tiếp cận sự thực đẹp đẽ và gương mẫu. Do đó, mà ta chỉ cần làm thế nào cho đúng với đạo, để cái đạo được sáng tỏ, chứ không phải nghĩ cách gì làm khác với cái đạo nữa. La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp ở nước ta, đã nói một câu chắc nịch: “Chỉ lo cái đạo không hành, chứ không lo cái đạo không sáng”. Đã như vậy, thì làm sao có thể nói được vấn đề phát triển.

Do vậy mà người Việt Nam từ lâu không dám có sáng tạo. Chúng ta chỉ biết phục cổ, chấp hành cái chân lý được xem là ngàn đời sáng suốt. Ta mơ hồ với cái văn minh vật chất, người dân bình thường thì mơ hồ với cái mới lạ, người cầm quyền, người chỉ đạo tư tưởng thì cho đó là những thứ tà thuyết vu dân. Cái nhìn chung là hướng về bên trong, chỉ biết núi sông của ta là đẹp, lịch sử ta là anh hùng, truyền thống của ta là văn hiến. Bên cạnh ta có một nước rộng lớn, có nền văn hóa phong phú, sâu sắc, nhưng lại luôn luôn tìm cách đồng hóa ta, nên điều quan trọng là ta phải tìm cách đối phó với họ. Về mặt chính trị, quân sự, ta đã có thể đối đầu với họ, nhiều lần thắng lợi, khiến cho cái mộng xâm lăng của họ bị dẹp đi. Bị dẹp đi, nhưng cái mưu kia thì không bao giờ chấm dứt được, nên cái cần của chúng ta là phải luôn luôn nghĩ đến sự đối đầu Nam-Bắc. Ta phải chịu là An Nam, nhưng phải khẳng định là Nam Việt hay Việt Nam - không phải im đi (An) mà phải vươn lên (Việt). Vì thế mà ta chỉ biết có cái văn hóa Hán Việt (nghĩa là văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Quốc). Và ta cũng theo cái gương người Hán mà xem một số nước nhỏ kề ta là không có bản lĩnh, là những nước thuộc loại di địch. Xa hơn nữa, ta không làm quen, thậm chí là không hề hiểu biết về thế giới. Biển rộng mông mênh, ta chỉ thấy đó là dặm khơi mù mịt, chứ không rõ là thế nào. Ta chỉ biết có ta và có nước to lớn kia ở phương Bắc mà thôi. Cả cái không gian rộng lớn, phía đông, phía nam ta đều không biết tới. Văn hóa khu vực đối với chúng ta, từ ngày ta chưa được tiếp cận với phương Tây, là rất mơ hồ, thậm chí bị xem như là không có. Như thế thì làm sao ta có thể nghĩ đến vấn đề phát triển được? Cả ở bên Trung Quốc nữa. Phải đến đời nhà Thanh, họ mới hướng được cái nhìn ra ngoài. Nhìn ra, nhưng vẫn cứ loay hoay và giẫm chân tại chỗ.

Nhưng nói như thế cũng không phải là để hoàn toàn thất vọng với trí thức Việt Nam. Ở một số chặng đường lịch sử, nước ta vẫn có những con người không hoàn toàn bị lệ thuộc với nề nếp trói buộc cũ kỹ. Có thể gọi đây là dấu hiệu của những khuynh hướng độc lập, nghĩ ra ngoài nề nếp cũ. Một Hồ Quý Ly, dám hạ cái địa vị của Khổng Tử xuống, dám xem những thần tượng như Trình Tử, Chu Tử là bọn học rộng, tài sơ, là bọn đạo Nho (*đạo* 盜 là bọn trộm cắp) thì thật là táo bạo. Có mấy chữ của Hồ Quý Ly, lâu nay ta chưa chú ý lắm. Hồ Quý Ly dám gọi họ là “học rộng, tài sơ”. Vậy *tài* đây là cái gì, nếu không phải là chủ thuyết phát triển? Tài là gì? Phải chăng với Hồ Quý Ly, chỉ chăm chăm với những lý thuyết cũ kỹ, không có cái gì mới, không có cái gì khác so với cái cũ, chỉ bo bo với những kiến thức cũ kỹ, lặp đi lặp lại, thì không phải là có tài. Tài là đi đôi với sự sáng tạo, sự phát triển. Ngôn ngữ của Hồ Quý Ly thời đại đó, không như ngôn ngữ chúng ta bây giờ. Nhưng có phải là về thực chất, ông đã nghĩ đến sự phát triển?

Còn một nhân vật nữa, nhân vật này rất quen với lịch sử chiến đấu của dân tộc, nhưng về mặt triết học, mặt văn học, chưa được chú ý mấy. Trần

Cao Vân (1866-1916) là người đã tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp do Võ Trứ lãnh đạo ở Phú Yên, rồi sau đó tham gia Việt Nam Quang Phục Hội, cùng với Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân, bị địch bắt, chém ở An Hòa (Huế) ngày 17/5/1916. Ngoài chủ trương yêu nước, tinh thần bền bỉ chiến đấu, làm gương cho cả một giai đoạn, Trần Cao Vân còn có ý muốn đề xuất lý thuyết triết học. Ông chú ý đến *Kinh dịch*, chủ trương rằng ở Trung Quốc có *Tiên thiên dịch* của Phục Hy, và *Hậu thiên dịch* của Văn Vương, ông muốn phối hợp hai loại này để ra *Trung thiên dịch*. Tuy nhiên, hiện nay chưa thu thập được đủ tài liệu để hiểu lý thuyết này, chỉ biết Huỳnh Thúc Kháng có nhận định Trần Cao Vân là người “bạo gan”, mới dám đề ra lý thuyết như thế. Cũng có dư luận cho biết, thuyết *Trung thiên dịch* được nhân dân hai tỉnh Phú Yên, Bình Định nghe theo rất đông, khiến nhà cầm quyền e sợ, đã bắt giam ông vào những năm 1900-1907. Nhưng dù đây là con người táo bạo, cái cảm tưởng chung mà ta có về Trần Cao Vân, là hình như ông vẫn chưa vượt ra được khỏi cái không gian Nam Việt.

Trước Trần Cao Vân, khoảng gần nửa thế kỷ, Việt Nam ta có một nhân vật thật là đặc sắc. Ông vượt được cả cái tầm quốc gia, tầm văn hóa khu vực và tiếp cận được với văn hóa thế giới. Người đó là Nguyễn Trường Tộ (1828-1871), người làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Gia đình ông theo Công giáo, ông có trình độ Hán văn cao, được đưa vào chủng viện Xã Đoài dạy chữ Hán và đọc sách Pháp, sách khoa học. Năm 1858, ông cùng với Giám mục Gauthier (tên Việt là Ngô Gia Hậu), sang ở Paris hai năm. Thời gian này, ông tiếp thu được nhiều tri thức mới, được ghé qua nhiều nơi: Singapore, Hồng Kông, La Mã. Trở về nước, phải làm phiên dịch cho soái phủ Pháp, lúc đó đã chiếm ba tỉnh miền Đông. Ông kín đáo phục vụ đất nước bằng cách thông báo tin tức cho triều đình, rồi thôi hẳn việc, liên tiếp gửi nhiều bản điều trần từ năm 1863 đến năm 1871, bàn về các điều lợi hại, thế chiến thế hòa, tình hình chung của thế giới. Ông đề cập đến các việc thời sự, ngoại giao, ngoại thương, tôn giáo, võ bị, nông chính, giáo dục, khai mỏ, đào tạo nhân tài v.v... Tất cả đều chứng tỏ ông có một trí tuệ lớn lao, có tầm nhìn chiến lược, nhằm canh tân đất nước, vượt hẳn lên trên thời đại. Rõ ràng là ông đã có chủ thuyết phát triển riêng, lúc ấy không ai có được. Đặc biệt khuynh hướng phát triển này của ông, không phải chỉ ở phần lý luận, phần chữ nghĩa, mà ông đã có những việc làm cụ thể, đưa cái mới vào một xã hội trì trệ. Ông đã thiết kế xây dựng thành công các nhà nguyện của tu viện ở Sài Gòn (1862-1863), giáo khu Xã Đoài (1864-1866). Ông giúp Hoàng Tá Viêm đào kênh Sát v.v... Ông cũng giúp việc sang Pháp mượn thợ, mua máy và đưa du học sinh sang. Chủ thuyết phát triển của ông là có tầm nhìn văn hóa thế giới, chứ không chỉ ở văn hóa dân tộc (trong khuôn khổ Hán Việt), cũng không chỉ phát triển đến mức văn hóa khu vực. Nhưng ông đã không được hưởng ứng. Ông bị đau rồi mất trong âm thầm tuyệt vọng. Cái chủ thuyết của ông không được ai biết đến. Có lẽ Nguyễn Trường Tộ cũng linh cảm được sự bỏ rơi này, nên câu thơ tuyệt mệnh của ông đã rất là đau xót:

*Nhất thất túc thành thiên cổ hận,
Tái hồi đầu thị bách niên cơ!
(Một kiếp sa chân muôn kiếp hận,
Ngoảnh đầu cơ nghiệp ấy trăm năm!)*

Nếu điếm theo sinh hoạt tư tưởng, sinh hoạt văn hóa của đất nước ta, nhân dân ta, đây đó ta cũng có thể gặp được một vài gợi ý giúp ta nghĩ đến chủ thuyết phát triển ở người này hay người khác. Một Lê Quý Đôn, nhà bác học thiên kinh vạn quyển, tuy chỉ kính cẩn với những “Thánh mô hiền phạm lục” (Ghi chép mẫu mực của thánh hiền) nhưng cũng có lúc biết được quả đất tròn và xoay quanh mặt trời. Một ông vua đặc Nho học như Tự Đức, vẫn có lúc biết nghiêng về duy vật luận v.v... Nhưng vẫn chỉ là những tư tưởng thoáng qua, chứ không có ai chuyên hay nổi bật. Phải chờ đến đầu thế kỷ XX, phải đến các nhà Nho duy tân mới thực sự là có chủ thuyết phát triển, và họ đã tự thân phát triển khá mạnh mẽ, khá say sưa. Những Phan Châu Trinh, Nguyễn Quyền, Trần Quý Cáp v.v... đều là những con người ôm ấp cái chủ thuyết phát triển. Xin thử bàn đến một trường hợp **Phan Bội Châu**.

II. Có thể nói về chủ thuyết phát triển ở Phan Bội Châu qua một số vấn đề cần xét lại

Phan Bội Châu không nói hẳn ra, cũng không sắp xếp những khuynh hướng tư tưởng của mình thành hệ thống theo kiểu biên niên. Nhưng ta có thể khẳng định rằng qua những tác phẩm, những công trình ông đã trình bày, và ngay cả cuộc đời của ông theo trình tự các giai đoạn xã hội, rõ ràng ta có thể nhận ra các bước phát triển trong tư tưởng của ông. Và cũng rõ ràng là ông đã có chủ thuyết nhất định. Chủ thuyết ấy cũng đã được phát triển theo thời gian, chứ không giậm chân một chỗ.

Nhưng trước khi bàn đến chủ thuyết phát triển này, có lẽ ta nên có nhận xét rằng việc nghiên cứu về Phan Bội Châu tuy đã khá rõ ràng, người viết về ông đã khá nhiều, ông cũng đã được tôn vinh ở chừng mực nhất định, nhưng thực ra vẫn còn những vấn đề hình như chưa thật thỏa đáng. Chúng ta nói về ông rất nhiều, nhưng chúng ta đã hiểu ông chưa? Ngay chính Phan Bội Châu trước khi từ biệt cõi đời, vẫn mang một nỗi niềm sâu kín. *Thiên hạ thù nhân bất thức quân* (Thiên hạ ai người biết đến ta). Đúng như vậy, đa số người Việt Nam ta còn “bất thức quân” nhiều lắm. *Nga nga hồ chí tại cao sơn; Dương dương hồ chí tại lưu thủy*. Phan Bội Châu đã mượn hình ảnh trong văn chương cổ điển để nói cái chí của mình. Có phần nào công thức, mà có nhiều phần là sự thực. Đúng là tâm suy nghĩ của ông cao như núi, rộng như mặt nước mênh mông, cứ phát triển mãi lên, trong ước mơ cũng như trong thực tế. Cái “cao sơn lưu thủy” của ông là không mấy người rõ, phải có người như Huỳnh Thúc Kháng trong bài văn sinh văn (tế sống) cụ Phan Bội Châu mới có được “mấy chữ đá vàng ghi mấy đoạn tâm can”. Không hiểu Phan Bội Châu, nên người ta sau này thường phê phán (hoặc đánh giá, hoặc có cảm tưởng) về ông ở nhiều vấn đề hệ trọng. Có thể có mấy vấn đề lớn:

- Vấn đề đường lối cách mạng của ông.
- Vấn đề ông theo chủ trương bạo động, cầu Nhật.
- Vấn đề Pháp-Việt đề huề.
- Những vấn đề liên quan đến các lực lượng cách mạng.

Những vấn đề này ở bề nổi thì gắn với những hành động chiến đấu của ông, nhưng ở bề sâu vẫn rất liên quan đến chủ thuyết phát triển trong tư

tưởng của ông. Ta hãy thử điểm lại qua những nhận xét cố gắng cho công bằng và khách quan nhất.

1. Vấn đề đường lối cách mạng của Phan Bội Châu

Có mấy vấn đề mà hình như vấn đề được xem trọng hơn cả là *đường lối cách mạng* của Phan Bội Châu (và của cả Phan Châu Trinh). Một cuốn sách (của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia) đã có những đánh giá về hai ông Phan rất nghiêm khắc. Người viết chê hai ông Phan là “hướng đi và cách đi của các ông không còn phù hợp với những biến đổi của thời đại và các ông đã không biết tìm hiểu xem cuộc cách mạng nào đi đến nơi để học tập, cuộc cách mạng nào không đến nơi để tránh”. Đây cũng là một nhận định liên quan đến chủ thuyết phát triển mà chúng ta đang bàn. Nhưng rõ ràng sự phê phán này đã không có cơ sở, mà nhất là không có quan điểm lịch sử cụ thể. Ta thường vẫn nhắc nhau khi nghiên cứu là cần có quan điểm này, mới giữ đúng được tinh thần biện chứng. Phê phán theo cách trên là tách hẳn hai ông Phan ra khỏi tình hình xã hội, tình hình cách mạng để thỏa mãn một sự suy diễn mơ hồ.

Hai ông Phan ra đời từ cuối thế kỷ XIX, riêng Phan Bội Châu thì xuất dương vào năm 1905. Lúc ấy thì trên thế giới, nhất là ở Pháp, ở Nga, ở Nhật, ở Trung Quốc v.v... chưa có cuộc cách mạng nào đã đến nơi và không đến nơi. Tấm gương Nhật Bản duy tân không dựa vào sự thành công của một cuộc cách mạng nào cả. Cả hai ông Phan lẫn lộn, đi hết nơi này sang nơi khác, thì mãi đến năm 1911, mới biết được có cuộc cách mạng Tân Hợi của Tôn Văn, mà khi chỉ đạo cuộc cách mạng này, Tôn Văn không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Cái khẩu hiệu sáng suốt của ông Tôn là “liên Nga, dung Cộng” mãi đến sau Cách mạng tháng Mười mới có. Minh Trị Thiên Hoàng thì không phải là người Mácxít, và cho tới hôm nay nước Nhật vẫn để tồn tại chế độ Nhật hoàng. Còn lúc này (1911), Phan Châu Trinh mới được ra khỏi nhà tù Côn Đảo, Phan Bội Châu đang làm ruộng ở Thái Lan. Bắt hai cụ phải tưởng tượng ra những cuộc cách mạng chưa có để trở thành ra con người đại đại thiên tài, thì thật là bất chấp lịch sử cụ thể. Rồi khi Cách mạng tháng Mười nổ ra thì Phan Bội Châu đang bị giam ở Quảng Đông. Mà cũng nên trân trọng Phan Bội Châu ở giai đoạn này! Khi chưa có Cách mạng tháng Mười thì ông không biết (tất nhiên!) và khi có rồi thì ông đã cố tìm cách tiếp cận. Ông dịch cuốn *Điều tra chân tướng Nga La Tư* đúng vào lúc Nguyễn Ái Quốc đi dự Đại hội Tours (1920), lúc ấy Phan Bội Châu đã 54 tuổi. Sau Cách mạng tháng Mười đến 4 năm, nước Pháp mới thành lập Đảng Cộng sản, và một năm sau nữa (1921) Đảng Cộng sản Trung Quốc mới ra đời. Rồi cả Hồ Chí Minh nữa. Chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành thông minh xuất chúng đến mức biết từ chối không xuất ngoại với Phan Bội Châu, mà ta cũng có thấy ông nói gì về con đường đi làm cách mạng cho đến nơi đến chốn đâu! Lẫn lộn mãi, đi hết nơi này nơi khác, phải chờ đến khi *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, được Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản thông qua (1920), Nguyễn Ái Quốc mới có thể phát biểu: “Đây là con đường giải phóng chúng ta”, kia mà. Nên nhớ có một điều tương hợp cũng hay hay: dương vào lúc Nguyễn Ái Quốc phát biểu câu này, cũng là lúc Phan Bội Châu ngồi dịch cuốn sách về nước Nga của tác

giả Nhật Bản Bố Thị Dĩ Tri. Thế mà dám cho là ông Phan không biết gì đến sự biến đổi của thời đại, không tìm hiểu các cuộc cách mạng như thế nào, thì quả thực là chỉ cốt nói lấy được, nói để tỏ ra có quan điểm lập trường, bất chấp thực tế. Những người đi sau thường có lợi thế là thấy được những việc mà người đi trước đã làm, nên dễ tưởng là mình sáng suốt hơn, cứ tha hồ phê phán người trước, chẳng khác gì một câu chuyện ngụ ngôn: Chú bé mới có bốn, năm tuổi, được cha cho ngồi lên vai để đi xem hội. Chú đắc ý quá đã vỗ vào đầu cha mà reo: Bố ơi! Con trông rõ hơn bố cơ!

2. Vấn đề Phan Bội Châu theo chủ trương bạo động, cầu Nhật

Vấn đề thứ hai là vấn đề nổi nhất trong cuộc đời của Phan Bội Châu: *Vấn đề cầu viện Nhật Bản*, với chủ ý là xin viện trợ quân sự của Nhật Bản để đánh đổ bọn thực dân Pháp, giành lấy độc lập cho nước nhà. Đúng, quả tình là lúc đầu, Phan Bội Châu đã có ý định này, và đã quyết tâm sang Nhật. Phải nói thêm rằng, cái ý định này là ý định chung của cả quốc dân Việt Nam. Dân ta không chịu sống trong vòng nô lệ, hết cuộc khởi nghĩa này đến cuộc khởi nghĩa khác trong phong trào Cần Vương, đều nhằm mục đích này. Phan Bội Châu thiết tha với mục đích đó, ông thấy rất nhục nhã (như tất cả dân chúng Việt Nam) vì phải chịu những đàn áp nặng nề (các bài viết từ *Bình Tây thu Bắc* đến *Hải ngoại huyết thư* v.v... đều cho thấy rõ cái ý chí quyết tâm, cái tư tưởng phục thù sôi động). Nhưng ông cũng thấy là lực lượng của mình non yếu, không có chỗ dựa, không có người giúp đỡ thì không thể làm nên. Đúng vào lúc ấy, Nhật Bản đã đánh đổ được nước Nga phong kiến, uy danh chấn động địa cầu. Nhật thắng Nga, thì có thể thắng Pháp không còn phải hồ nghi gì nữa. Cái tư tưởng này được đông đảo các nhà trí thức Việt Nam (các nhà Nho) hỗ trợ, vì những người này đều tin vào lý thuyết đồng chủng, đồng văn, vốn rất sâu sắc trong nhiều dân tộc ở Á châu. Cũng không nên quên rằng, cạnh Phan Bội Châu lúc đó còn có Tiểu La Nguyễn Thành, rồi có Tăng Bạt Hổ là những người cũng tin nhiệm vào sự quật cường, sự thắng lợi của Nhật Bản. Bấy nhiêu khuynh hướng chính trị và cả tình cảm nữa đã thấm vào Phan Bội Châu, cùng với nhiệt huyết của ông đã khiến cho ông tin chắc vào một tin điều: *cầu viện*. Cũng không nên quên rằng vì học Nho, nên Phan Bội Châu cũng không quên được những tấm gương - mà là gương đẹp, của những người trong sách vở cổ điển của Trung Quốc. Huỳnh Thúc Kháng sau này đã nhấn mạnh về những tấm gương ấy, khi nói về Phan Bội Châu:

“Lệ Bao Tư giọt dài giọt vắn, Tần đình cảm động, Khuyển Dưỡng, Đại Ôi! Sáo Ngũ Viên khúc nổi khúc chìm, Ngô thị vang lòng, Hoàn Tân, Thần Hộ!”^(*)

Rồi cùng với sự phê phán khuynh hướng cầu viện Nhật Bản này, người ta còn quy cho Phan Bội Châu cả cái tội muốn “đuổi cạp cửa trước, rước beo

* Trích bài “Văn tế Phan Sào Nam”. Bài văn tế này Huỳnh Thúc Kháng làm trước ngày Phan Bội Châu tạ thế (29/10/1940) và đã đọc cho cụ Phan nghe trong lễ “sinh văn”.

Bao Tư tức Thân Bao Tư, làm tòng nước Sở, khi nước Sở bị nước Ngô đánh, ông chạy sang cầu cứu quân Tần giúp nước Ngô. *Khuyển Dưỡng Nghi* và *Đại Ôi Trọng Tín* là các chính khách Nhật Bản mà Phan Bội Châu đã tiếp xúc và đề nghị họ giúp đỡ Việt Nam.

Ngũ Viên tức Ngũ Tử Tư, bị vua Sở giết cha và anh. Ông sang nước Ngô, phải đi thổi sáo giữa chợ xin ăn, lo việc phục thù.

Hoàn Tân, Thần Hộ tức Yokohama và Kobé, hai địa danh ở Nhật Bản. BBT.

cửa sau” là cái điều Phan Bội Châu đã rất cảnh giác. Ngay Tiểu La Nguyễn Thành khi tiễn chân Phan Bội Châu sang Nhật, đã có lời dặn:

“Thấm thời lượng thế, khả hành tắc hành, bất khả hành tắc chỉ. Vật sử tiền môn cự hổ, hậu hộ nghênh lang, dĩ di họa hậu thế”.

(Xét kỹ thời thế, làm được thì làm, không làm được thì dừng lại. Dừng đỡ cái trò cửa trước đuổi hổ cửa sau rước beo, để tai họa cho người đời sau). (Theo sách *Trần Quý Cáp và tự trào cách mạng dân quyền đầu thế kỷ XX* của Lam Giang).

Như vậy là đã rõ tư tưởng cầu viện của Phan Bội Châu. Ông muốn nhờ đến Nhật Bản thực, nhưng tinh thần có khác, không giống như con người vong quốc kiểu Lê Chiêu Thống ngày xưa. Rồi không phải đợi dài ngày lắm, cách cầu viện của ông đã xoay chuyển ngay lập tức sang *cầu học*. Đây cũng là một sự phát triển trong tư tưởng của Phan Bội Châu. Ông sớm được nghe lời phân tích của Lương Khải Siêu, được nghe ý kiến của Thiển Vũ Tá Hỷ Thái Lang về cái dã tâm của bọn chính khách, ông cũng giác ngộ, đã có sự chuyển biến tư tưởng, chuyển từ *quân sự* sang *văn hóa*. Phan Châu Trinh vốn đối lập với ông về chủ trương bạo động, nhưng lại rất tán đồng việc ông cho con em Việt Nam sang học ở Nhật Bản. Điều “tương phản nhi tương đồng” giữa hai ông, mà Huỳnh Thúc Kháng nhận ra, cho ta thấy cái hiểu của chúng ta về sự cầu viện, sự bạo động của Phan Bội Châu là cần phải xem lại.

3. Vấn đề Pháp-Việt đề huề

Có lẽ người ta dễ mắc mớ nhất với Phan Bội Châu là vấn đề ông đã đưa ra thuyết Pháp-Việt đề huề. Chuyện trở nên phức tạp là vì ở một con người như Phan Bội Châu trước sau chỉ có chủ trương bạo động, đánh đổ giặc cướp để giành lại độc lập cho nước nhà, mà nay lại nói đến chuyện bắt tay, chuyện “đề huề” cùng kẻ địch, thì rất đáng ngạc nhiên, thậm chí khiến người ta nghi ngờ cả về tư cách. Nhưng thực ra đây là vấn đề thuộc phạm vi chiến thuật (và có thể cả về chiến lược, mà cũng liên quan đến chủ thuyết phát triển mà chúng ta đang bàn).

Cần trở lại với tình hình cụ thể của Phan Bội Châu vào thời gian đó, năm Mậu Ngọ (1918). Ông vừa đi khỏi Vân Nam, đến Trùng Khánh, gặp viên quan Trung Quốc là Hoàng Phục Sinh, được nhận chức mưu quan do ông Hoàng giao cho để lấy lương mỗi tháng 170 đồng. Được lương để có tiền chi dụng, Phan xin từ biệt Hoàng Phục Sinh để về Hàng Châu. Lúc này cuộc Âu chiến (Thế chiến lần thứ 1) đã kết thúc, tình hình thế giới đã biến chuyển, vai trò của thực dân Pháp ở các thuộc địa càng thêm uy thế, muốn chiến đấu theo cách đương đầu thì thật là khó khăn. Vừa lúc ấy thì Phan Bá Ngọc và Lê Dư cũng đến Hàng Châu để gặp Phan Bội Châu. Hai người này kể chuyện tình hình trong nước và giới thiệu với Phan về viên Toàn quyền Albert Sarraut, cho đó là người của Đảng Xã hội, nên có chính sách khác với đường lối thực dân, nếu biết cách lợi dụng thì có thể làm lợi cho ta một cách hòa bình, không phải gây bạo động.

Phan rất suy nghĩ về ý kiến của Phan Bá Ngọc, Lê Dư, và cũng cảm thấy có điều cần cân nhắc. Có một thực tế là ông cùng các đồng chí đã lần

lộn bôn tẩu mười lăm năm trời, nhưng kết quả chưa lần nào đáp ứng lòng mong đợi. Các cơ sở tan vỡ liên tiếp, các đồng chí xuất sắc lần lượt hy sinh, con đường bạo động đặt ra vẫn chưa thấy có cơ tiến triển. Trong khi đó thì tình hình thế giới lại biến động có lợi cho đối phương. Nhìn nhận kinh nghiệm vận động cách mạng ở các nơi, vẫn chưa thấy bài học nào tốt nhất. Phan cũng liên hệ đến những nhà hoạt động chính trị ở các nước mà Phan đã được gặp, nhiều người cũng có nhiều cách thức khác nhau. Phan lại nhớ đến quan điểm của Phan Châu Trinh, tuy không đồng ý với đường lối bạo động của mình, vẫn bị Pháp nghi ngờ khủng bố, nhưng không phải là không có đôi chút lợi ích thiết thực. Nên chẳng giờ đây ta có thể tương kế tựu kế, vẫn giữ vững chí phục thù, mà vẫn tỏ ra hòa hoãn để lợi dụng làm cho cách mạng thuận chiều tiến lên. Tình hình thế giới khác đi, thì mình cũng phải có những thủ đoạn mới. Phải có thủ đoạn, miễn là không rời mục đích. “*Vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn*”, Phan Bội Châu đã nói ra câu ấy. Nhìn một cách khách quan, phải nhận rằng, đó là một sự phát triển mới trong chủ trương hành động của ông.

Phan Bá Ngọc và Lê Dư đã hưởng ứng để củng cố thêm cho Phan Bội Châu cách nhìn mới này. Muốn làm thành việc lớn, phải có mưu mô, kể cả mưu mô xảo trá. Nếu ta bằng lòng đề huề với chúng, thì chúng sẽ không để ý gì, cuộc vận động của ta cứ tiến đều, không bị chúng khủng bố, như thế sẽ có kết quả hơn.

Phan Bội Châu tán thành và đã để công phu viết bài *Pháp-Việt đề huề luận*. Bài này, trước nhất phân tích tình hình thế giới, nêu rõ cái thế của đế quốc Nhật Bản ở Á châu, dự đoán Nhật Bản nhất định phải phát triển thế lực. Người Pháp ở Việt Nam có 5 điều nguy hiểm không thể nào chống lại, còn người Việt Nam thì có 3 điều nguy hiểm khi bị Nhật xâm lăng. Do đó, người Pháp chớ xem người Việt Nam như trâu ngựa, người Việt Nam chớ xem người Pháp như cừu thù mà cần đổi đường thay lối để cùng nghĩ cách lưỡng lợi mà sinh tồn. Phan cũng nói rõ: “Trước đây Phan vẫn giữ cái lý thuyết bài Pháp, nhưng từ khi cuộc Âu chiến phát sinh, thì mới nhận ra “cái cố khốn quẫn của người Pháp, cùng cái vạ gồm ghê của người Nam”, cho nên mới tìm ra cái “mưu khéo vẹn toàn...”.

Cho đến cuối tháng 6 năm Kỷ Mùi (1919), vẫn do sự liên lạc của Phan Bá Ngọc, viên Toàn quyền Sarraut cử người đại diện là Néron đến Hàng Châu, đàm phán với Phan Bội Châu. Ông Phan đưa cả Trần Hữu Công, Hồ Học Lãm và ba thanh niên nữa đến cùng trao đổi. Bất ngờ, phía người Pháp đưa ra hai yêu cầu:

- Phan phải viết bài gởi về nước, yêu cầu thủ tiêu ý chí cách mạng.
- Phan phải trở về nước, sẽ được tham gia chính phủ Nam triều và được cấp “nguyệt bổng” đặc biệt. Nếu không về thì có thể ở nước ngoài và chọn nơi ở gần với tô giới Pháp. Ở đâu, chính phủ Pháp cũng chịu chu cấp cho Phan.

Phan vô cùng ngạc nhiên trước những điều kiện ấy. Kể địch thắng trận buộc Phan đầu hàng. Phan nhận ra mình đã lầm lẫn, khinh suất nghe theo bọn Phan Bá Ngọc và Lê Dư. Phan mỉm cười khinh bỉ và đọc cho Lý Trọng Bá viết hộ lời phúc đáp phản kháng của mình. Ông nói hằn với nhà cầm

quyền Pháp: “Họ không hiểu hai chữ đề huề. Cái đề huề của các ông, so với cái đề huề của tôi, khác nhau như nước với lửa”.

Bọn Néron tên tò rút lui. Từ đó, Phan cũng không giao thiệp gì với Néron, Phan Bá Ngọc và Lê Dư nữa. Chuyện Pháp-Việt đề huề, từ đấy tắt ngấm với câu ca không rõ ai đã đặt ra:

*Đề huề chi mà đề huề
Oán thù ta hãy còn lâu
Trồng tre nên gậy, gặt đâu đánh què.*

Sau đó, có người do một ý đồ nào đó, thường day lại vấn đề này, nhưng ai hiểu Phan Bội Châu thì không băn khoăn gì về tư cách hay lập trường của nhà chí sĩ. Chứng cứ là vào năm 1937, Nguyễn Văn Vĩnh bỗng nhiên khơi chuyện, viết bài báo “Nhà cách mạng tự hối” (Le revolutionnaire repent) đã bị Huỳnh Thúc Kháng đập lại. Ông Huỳnh nói mỉa mai rằng Nguyễn Văn Vĩnh điên khùng hay pha giọng say nên hóa ra vu vơ. Nguyễn Văn Vĩnh kể rằng có những ông chài, ông xe nào đó được nghe chuyện Pháp-Việt đề huề, ông Huỳnh bảo chẳng có ai điên khùng mà cho những người ấy nghe chuyện. Rồi cũng như Phạm Quỳnh phải im trước lời chiêu tuyết cho Ngô Đức Kế (cũng của ông Huỳnh), Nguyễn Văn Vĩnh cũng im luôn trước lời biện bác của Minh Viên.

Chuyện điên khùng, chuyện giọng say... như vậy tưởng đã được xếp đi rồi. Không ngờ đến cuối thế kỷ thứ XX còn được “say” trở lại. Cũng cuốn sách (của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia) ta vừa nói trên, có cho biết là cuối đời Phan Bội Châu quay trở về với thuyết Pháp-Việt đề huề, lại có mở ngoặc đơn ghi thời điểm là năm 1938. Thật là đáng ngạc nhiên đến kỳ lạ. Vào năm 1938, Phan Bội Châu đã thành Ông già Bến Ngự, viết nhiều bài đăng báo, nhất là báo *Tiếng dân*. Làm gì có bài nào nói về Pháp-Việt đề huề? Ông chỉ có nhiều bài thơ bình dân nào là *Nạn gạo kém*, nào là *Nói chuyện với Thần Xu*, cũng có một số truyện như *Giày và Dao*, những bài *Văn tế đồng bào bị bão lụt*. Chứ làm gì có chuyện Pháp-Việt đề huề. Những cuốn sách in công khai trước đó như *Nam quốc dân tu tri*, *Sào Nam văn tập*... cũng không hề đề cập gì đến “thuyết đề huề” cả.

Hay lúc bấy giờ, người ta thấy câu đối viếng viên Toàn quyền Pasquier, thấy thơ tặng Thống sứ Châtel, thấy bài tường thuật cuộc gặp gỡ Toàn quyền Varen (do Phan Đăng Lưu làm thông ngôn) v.v... mà nghĩ rằng Phan Bội Châu đã “đề huề” với những ông quan thực dân? Như thế thì quả thực là câu chuyện “thực bất tri kỳ vị”! Khi giao thiệp với người Pháp, Phan Bội Châu rất biết mình là người tù bị giam lỏng, nhưng ông vẫn có vị thế, còn hơn cả bao nhiêu nhà chí sĩ (Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can, Lê Đại... và cả Dương Bá Trạc nữa) nên bọn Pháp không thể coi thường. Phan Bội Châu cũng biết tư cách của mình, vẫn phải thù ứng theo phép tắc xã giao chứ đề huề sao được.

4. Những vấn đề liên quan đến các lực lượng cách mạng

Còn có những vấn đề như vấn đề *chế độ quân chủ*, vấn đề *nông dân* v.v... đều là những vấn đề thiết thực của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, mà hình như nhiều người vẫn chưa hiểu Phan Bội Châu cho lắm.

- Vấn đề thể chế của chế độ phong kiến ở Việt Nam. Có một thực tế là khi muốn xúc tiến cuộc cách mạng, Phan Bội Châu đã phải đi tìm những con người hoàng tôn, muốn mượn cái danh nghĩa nhà Nguyễn để tập hợp mọi người. Rồi có được sự gợi ý của Tiểu La Nguyễn Thành, ông đi gặp được Cường Để, phò tá cho Cường Để. Nhưng phải thấy sự thực là cách làm này chỉ là vì tình thế của Việt Nam Quang Phục Hội, chứ Phan Bội Châu không hề quan tâm gì đến chế độ vua quan, chế độ quân chủ. Tìm người hoàng tôn trước khi xuất dương, Phan chỉ nghĩ đến việc tìm sự hỗ trợ của nhân dân Nam Bộ và đó là điều hợp lý. Điều hợp lý nữa là khi phải giao thiệp với Nhật Bản, một nước còn rất bảo hoàng, Phan phải nghĩ đến sự liên hệ đồng minh. Chủ thuyết phát triển của ông ở đây là phát triển cho thể lực của dân tộc, chứ Phan không hề bận tâm gì với chế độ quân chủ. Ta thấy rõ suốt đời, không thấy Phan bàn gì đến vấn đề quân chủ, kể cả chế độ quân chủ lập hiến. Cho nên không thể vì sự gắn bó với Cường Để, mà cho rằng Phan không biết đến sự lạc hậu của khuynh hướng bảo hoàng. Phan khác với Phan Châu Trinh ở chỗ vẫn muốn lôi kéo cả những người trong hoàng phái, trong giới quan liêu, vì cho rằng họ vẫn có thể có khả năng giác ngộ để chung lòng cứu nước. Chủ thuyết phát triển của Phan Bội Châu ở đây vẫn chỉ là phát triển lòng yêu nước mà thôi.

- Đã có thời người ta quá thiên về vận động cách mạng vô sản, nên những gì không dính dáng đến giai cấp, đến sự tôn vinh chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc tế thì đều bị đánh giá nghiêm khắc, không có một chút thiện cảm nào. Thậm chí cả những người như Huỳnh Thúc Kháng cũng chịu nhiều sự phê phán, phản đối ở khía cạnh này hay khía cạnh khác. Phan Bội Châu mặc dầu rất có thiện cảm với chủ nghĩa xã hội, cũng không được quan tâm. Thật ra thì như dưới đây sẽ nói, chủ thuyết phát triển của Phan Bội Châu là đi đến chủ nghĩa xã hội, mặc dầu Nho học vẫn gắn bó với ông nhiều.

- Có những vấn đề về lý luận cách mạng rất quan trọng như vấn đề nông dân. Có người đọc những tài liệu như *Hải ngoại huyết thư*, thấy Phan Bội Châu kể ra trong những lời kêu gọi hết hạng người này đến hạng người khác mà không thấy có chữ nông dân, thì người ta đã nghĩ rằng ông không biết đến lực lượng quan trọng này. Họ cho đó là thiếu sót nặng nề nhất của Phan. Phê phán như vậy, rõ ràng họ chẳng biết gì đến cuốn *Trùng Quang tâm sử*. Bao nhiêu nhân vật trong cuốn này không phải là nông dân hay sao? Họ làm ăn rất nông dân, họ tiến hành cuộc khởi nghĩa, cuộc cách mạng hoàn toàn với bàn tay, khối óc nhà nông của họ. Nếu có khuyết điểm thì chỉ là ở chỗ Phan không chịu gọi ra cái tiếng, viết ra chữ nông dân mà thôi. Nông dân của Phan là toàn bộ dân tộc này, cả khi họ là nam, là nữ, là sĩ, là công, là thương, cả người Kinh và người Thổ. Còn cái việc tổ chức lực lượng này thành nông hội hay thành hội nông dân cứu quốc thì tất nhiên là Phan chưa thể có được sáng kiến. Vả chăng, có tổ chức được nông hội, chưa chắc đã biết dùng được nông hội làm quân chủ lực, làm bạn đồng minh cho giai cấp công nhân (và chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân) khi chúng ta còn lâu mới đến năm 1930. Trong khi đó thì *Trùng Quang tâm sử* đã đưa toàn thể nhà nông vào trận thế cách mạng cứu quốc, mà mỗi loại nông dân trong cuộc chiến đã bộc lộ được tài năng và tâm huyết của họ, cũng rất là

nông dân! Những ông Võ, ông Chân, anh Phúc v.v... thật sự là chân chất nông dân, mà lại là nông dân xứ Nghệ! Rồi những phụ nữ như cô Triều, cô Chí, cô Liên có lẽ là những hình ảnh của Âu Triệu, Bạch Liên của thời kỳ Duy Tân Hội đi nữa thì cũng vẫn là những cô gái quê từ nông thôn mà ra, để trở thành những anh hùng cứu quốc. Hình như chưa bao giờ lịch sử Việt Nam và văn học Việt Nam có được một tập thể nông dân, như trong *Trùng Quang tâm sử* cả. Tác phẩm rõ ràng thể hiện ý đồ cách mạng và cả lý luận cách mạng của Phan. Vẫn là dĩ nông vi bản, mà cái bản ở đây là nông dân làm nòng cốt cho sự đoàn kết toàn dân. Nhà Nho, nhà buôn, thợ thuyền, quan lại, binh lính, phụ nữ, thanh niên, người tôn giáo này hay tôn giáo khác, đều được ở trong khối nông dân đồng tâm đồng đạo này, cả một khối toàn dân đoàn kết. Cái khái niệm quốc gia, đồng bào, từ khối đoàn kết này mà ra, rồi trở lại thành một lý tưởng thiết tha để gắn chặt lấy nó. Sự căm thù, sự bất bình sẽ thúc đẩy mạnh thêm ý chí của cả khối đoàn kết này. Phá vỡ được xích xiềng sẽ có được độc lập, đập tan được ách thống trị sẽ được hưởng ấm no hạnh phúc đồng đều, và đó chính là dân chủ. Chính đó mới là lý thuyết dân tộc, dân quyền của Phan Bội Châu. Viết ra thành lời kêu gọi, dùng văn biện thuyết, có thể tùy theo sự nhận thức của từng người, nhưng tạo ra một hình ảnh nghệ thuật thì có thể làm cho ai ai cũng tiếp cận được với thực chất nguyện vọng. Rõ ràng đây là một chủ thuyết phát triển của Phan Bội Châu trong vấn đề nông dân.

III. Sự thực về chủ thuyết phát triển của Phan Bội Châu

Lịch sử vận động cách mạng của Phan Bội Châu là một hiện tượng phát triển rất rõ rệt, chứ không phải ông chỉ có chủ thuyết phát triển mà thôi. Thật là khó thấy một con người trong giai đoạn ấy, đã đi từ con đường dân tộc, tiến lên con đường duy tân, rồi sang con đường xã hội chủ nghĩa... như ở Phan Bội Châu. Đầu tiên là con người của đội sĩ tử Cần Vương, nồng nhiệt với ý định “bình Tây thu Bắc”, rồi với ý định cầu viện, bạo động (1904). Tiếp theo ngay đó lại là con người của khuynh hướng duy tân, của phong trào Đông Du sôi nổi. Tuy cái chủ trương giải phóng non sông bằng biện pháp chiến đấu, biện pháp bạo lực vẫn còn bên bở, thôi thúc, nhưng cái nhìn bó hẹp trong phạm vi dân tộc đã có thay đổi. Nếu ta nhìn theo giác độ văn hóa thì rõ ràng Phan Bội Châu đã có được những nhận thức về văn hóa khu vực rồi. Vẫn trên cơ sở đòi hỏi sự giải phóng non sông, sự lật đổ ách thống trị bằng sức mạnh của dân tộc (có sự hỗ trợ của nước ngoài), nhưng tư tưởng dân tộc, tư tưởng quốc gia của Phan Bội Châu đã khác với những người mưu cầu phục quốc. Hãy xem 10 điều sung sướng (*Thập đại khoái*) mà ông nêu lên:

- Không có cường quốc bảo hộ.
- Không có bọn quan lại hại dân.
- Không có người dân nào không được thỏa nguyện.
- Không có người lính nào không được vinh dự.
- Không có thuế xâu nào mà không bình đẳng.
- Không có hình luật nào mà không công bằng.

- Không có nền giáo dục nào là không hoàn thiện.
- Không có nguồn địa lợi nào là không khai phá.
- Không có ngành công nghệ nào mà không phát đạt.
- Không có ngành thương nghiệp nào là không thịnh lợi.

Và ông cũng đưa ra cả 6 điều mong mỗi (*Lục đại nguyện*):

- Xin mọi người trong nước đều có chí tiến thủ mạo hiểm.
- Xin mọi người trong nước đều có tinh thần thương mến, tin yêu nhau.
- Xin mọi người trong nước đều có tư tưởng bước lên nền văn minh.
- Xin mọi người trong nước đều có sự nghiệp thực hành yêu nước.
- Xin mọi người trong nước đều có sự nghiệp thực hành công đức.
- Xin mọi người trong nước đều có hy vọng về danh dự lợi ích.

Xem đó thì rõ ràng ta thấy tư tưởng yêu nước, tư tưởng bạo động của Phan Bội Châu đã phát triển rõ ràng, chứ không phải chỉ có khuynh hướng bài ngoại như ta thường thấy ở các chí sĩ Cần Vương đánh Pháp. Có thể tư tưởng duy tân cũng ra đời với những đại khoái, đại nguyện này.

Tiếp theo đó là sự phát triển khá mạnh mẽ trong khuynh hướng của văn hóa khu vực. Quang Phục Hội ra đời (1912). Rõ ràng là sang đến đầu thế kỷ XX này, tiến hành việc cứu nước, giải phóng non sông mà lặp lại những biện pháp khởi nghĩa, lập căn cứ như xưa thì không thích hợp nữa. Cứu nước là đúng rồi, nhưng cứu nước để hướng tới đâu là vấn đề cũng thiết thực như yêu cầu đánh đổ ngoại bang vậy. Thời gian trước đó, ở Huế, Phan đã có dịp được đọc nhiều sách duy tân của phái Khang Lương. Đến khi ở Nhật, ông mới được xem các sách *Dân ước*, *Vạn pháp tinh lý* của Montesquieu, Rousseau và tiếp cận được với lý thuyết dân chủ. Phan nhận ra rằng, trước đây theo ý kiến của Nguyễn Thành, muốn vận động quần chúng, nhất là quần chúng trong Nam, thì phải đề cao công lao nhà Nguyễn. Trước những tấm gương của các ông vua có tinh thần chống Pháp như vua Hàm Nghi, việc giữ gìn ngai vàng tiêu biểu cho quyền lợi của tổ quốc, lúc đó là điều đúng đắn. Nhưng nay tình hình thế giới khác xa, mà khuynh hướng nhân dân cũng đã thay đổi. Vậy thì cải tổ Hội Duy Tân, việc trước nhất cần đặt ra là phương hướng đi theo con đường của chủ nghĩa dân chủ. Việt Nam Quang Phục Hội đã ra đời. Rõ ràng là bản thân con người của Phan Bội Châu cũng đã chuyển biến, cũng như tư tưởng của ông, lúc nào cũng sẵn sàng phát triển. Rồi cũng từ đó, mà Phan có tâm nhìn về khu vực rõ ràng hơn. Tiếp theo những *Hải ngoại huyết thư*, chỉ nhìn hẹp theo không gian Việt Nam, thì nay ta có thêm những *Hòa lệ cống ngôn*, những *Liên Á sơ ngôn*. Nào ai đã có được sự phát triển tư tưởng như thế.

Tiếp theo đó, sau những cuộc hy sinh như của Phạm Hồng Thái, tư tưởng phát triển của Phan Bội Châu lại được nâng thêm một bước nữa. Việt Nam Quốc Dân Đảng đang trong thời kỳ thai nghén, Phan vẫn chờ sự hỗ trợ của Nguyễn Ái Quốc. Chưa được gặp lại nhau thì ông bị bắt rồi, nên ta chưa thấy được cái mới trong tổ chức mới mà Phan đang hình dung, nhưng rõ ràng là Phan vẫn không thể theo khuynh hướng cũ. Tư tưởng của Phan vẫn là tư tưởng phát triển. Điều ấy thì không ai phủ nhận được.

Tư tưởng có phát triển, có chuyển biến thì hành động cũng phát triển. Đây là một điểm rất mới ở Phan Bội Châu, mà hình như lâu nay nói đến sự nghiệp của ông, chúng ta có nhắc đến chứ không mấy khi nhìn cho rõ. Ta cũng hay nói, hay đề cao vấn đề Đông Du, nhưng có lẽ chỉ hiểu Đông Du chỉ là câu chuyện sang Nhật mà thôi. Nói sang Nhật, ta nghĩ ngay đến chuyện nhờ Nhật viện trợ để đi tới bạo động. Hình như đây là điều cơ bản trong cách nghĩ của nhiều người. Nhưng thử xem lại, nói là câu viện Nhật Bản, Phan Bội Châu đã có chương trình gì, biện pháp gì về mặt quân sự để câu viện chưa? Không thấy ông Phan đưa ra một kế hoạch để trao đổi với Nhật, mà ngay cả việc chính thức giao thiệp với nhà nước Nhật Bản, với giới chiến lược của Nhật Bản cũng không thấy có. Trò chuyện với Khuyển Dưỡng Nghị, Phan Bội Châu chỉ mới hé mở được sự kỳ vọng, nêu ra cho người ta thấy được cái ý định cứu nước của mình, chứ đã nói, đã bàn gì được về kế hoạch phối hợp chiến đấu, phối hợp hành động đâu. Phan Bội Châu cũng chưa hề xin Nhật Bản xuất quân sang đánh Pháp, hoặc xin Nhật ủng hộ cho một căn cứ chiến đấu nào. Thời gian ở Nhật, cho đến khi bị người Nhật trục xuất, Phan Bội Châu chỉ có một việc là *mở trường học và cho người đi học*! Chúng tôi đề nghị nghiên cứu chuyện Đông Du *nên chú ý về cách nhìn văn hóa*, chính là do thực tế này. Phan Châu Trinh tán thành và hy vọng ở Phan Bội Châu, lại cũng đứng về góc độ ấy. Và cũng xin thành thực tỏ lòng bái phục khi nhìn thấy cái quy mô tổ chức học tập ở cái nhà trường, tạm lấy tên là trường *Bính Ngộ Hiền* (hoặc có thể gọi là trường của *Công Hiến Hội* năm 1907). Phan Bội Châu đã rất đặc ý về thời kỳ này (chính ông tự nói ra). Hãy thử tưởng tượng việc lo ăn ở, học hành cho hơn 200 con người ở một nơi tại đất khách, không có tài khoản nào của nhà nước, không có hoạt động thương nghiệp nào để sinh lợi, chỗ ở là ở nhờ, nhà trường, phương tiện giảng dạy, phương tiện sinh hoạt và cả công việc chuyên môn nữa, đều phải trông đợi vào sự hảo tâm... Việc là việc trường, mà thực chất là việc Hội (có thể xem như Đảng) và cũng là việc đại sự quốc gia. Mở được ngôi trường như thế thật là một kỳ công. Hãy nhìn lại xem ở tất cả các nước trên thế giới lúc bấy giờ - kể cả ở Liên Xô, nơi mà chúng ta là đồng chí, là người cùng trong tổ chức, để gì đã thành lập được một nhà trường như thế. Một thành tựu văn hóa, một thành tựu chính trị phải nói là lớn lao. Về cái tâm phát triển ở đây cũng dồi dào ý nghĩa. Tiếc rằng, lâu nay, ta ít quan tâm đến vấn đề đó.

Có một điều, hình như đến nay vẫn là một cái cớ khiến cho người ta thường nhìn Phan Bội Châu một cách cố định. Tư tưởng yêu nước của ông mãnh liệt quá, ước mơ lật đổ nền thống trị của ngoại bang, diệt trừ bọn cướp nước của ông nồng nàn và bền bỉ quá, nên người ta thường chỉ thấy nơi ông cái khuynh hướng bạo động, khuynh hướng giải phóng dân tộc. Vì vậy nên sự chuyển hướng, sự phát triển nơi ông ta không thể thấy được, hoặc người ta không muốn thấy. Không muốn thấy, để giữ vững được tấm lòng ngưỡng mộ đối với ông. Nhưng thực ra, ít người thông cảm cho ông là suốt đời ông chỉ có một phương châm, một phương pháp xử lý trong hoạt động cách mạng cũng như trong đời sống hàng ngày. Đó là cái phương châm *dĩ bất biến ứng vạn biến*. Cái bất biến của ông là nguyên vẹn cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời. Cái vạn biến của ông chính là chủ thuyết phát triển. Phát triển đến thế nào đi nữa, thì cũng không có thể thay đổi lý tưởng và mục đích của ông.

Những gì đã là biểu hiện, là bằng chứng cho chủ thuyết phát triển đó, ta có thể thấy ngay trong cuộc đời của ông và trong các phương pháp ứng xử, phương pháp cách mạng của ông.

1. Về bản thân, về sự phát triển cuộc đời của Phan Bội Châu, thì đây là một điều rõ rệt. Ông đã từ là một cậu đồ, một *thanh niên nông nân yêu nước* với chí nguyện “bình Tây thu Bắc”, để thành một *sĩ tử Cần Vương*, rồi thành một *kẻ tha phương tìm đường cứu nguy* cho đất nước. Sang đến nước người, tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa khu vực, ông biến thành một *chiến sĩ duy tân*. Với tư cách mới này, ông biết nhìn rộng ra cả khu vực, cả thế giới, rồi có tư tưởng quốc tế hân hoi, với khuynh hướng chấn Hoa, hưng Á. Ông bước sang tư tưởng dân chủ, để thành một *chiến sĩ quốc dân*, chứ không còn là một chiến sĩ quốc gia nữa. Hoàn cảnh bắt buộc khiến ông phải bị giam cầm “khoanh cẳng bó tay” (chữ dùng của ông), ông chỉ còn biết chiến đấu bằng văn chương, bằng ngôn ngữ với tư cách là một *chí sĩ ẩn dật*, ôm hận ở cuối đời. Mặc dầu phải ôm hận, nhưng cái chí, cái tư tưởng vì nước vì dân của ông vẫn không hề lay chuyển. Đó cũng là cái biến trong cái bất biến.

2. Cần nhắc lại rằng cái *chủ thuyết phát triển* của Phan Bội Châu, nhìn theo giác độ văn hóa, chính là sự phát triển từ văn hóa quốc gia, sang văn hóa khu vực. Phải có cái nhìn mới này, ông mới nhận ra được sự duy tân của Nhật Bản là có giá trị như thế nào, đối với sự thức tỉnh của châu Á nói chung và của Việt Nam nói riêng. Từ sự thức tỉnh này mà ông Phan biết được và đề ra được những khẩu hiệu *Liên Á sô ngôn, Chấn Hoa hưng Á*. Hoàn cảnh không cho phép tiến tới được cách nhìn văn hóa thế giới, cái cảm tình của ông đối với những lý thuyết của Các Mác, của Lênin chưa vươn sang được phạm trù lý luận cách mạng là chuyện tất nhiên với con người được đào tạo theo Nho học.

3. Tuy vậy, riêng trong phạm vi quốc gia, ta cũng thấy trong tư tưởng của Phan Bội Châu cũng đã có sự phát triển rất đáng trân trọng. So với những người có tư tưởng dân tộc, cái lý thuyết của Phan Bội Châu rõ ràng là vượt xa về nhận thức. Phải nhìn nhận một sự thực rằng, trong giai đoạn ấy, ở chúng ta chưa có một ai nêu ra được cái nhận định: “*Dân là dân nước, nước là nước dân*” như Phan Bội Châu cả. Đã có những người biết đến lý thuyết tư sản dân chủ của những cuộc cách mạng ở Pháp, ở Đức v.v..., nhưng người ta phải say sưa với các học thuyết mới, chứ người ta không có cái “bất biến” như ở Phan Bội Châu. Ngay cả về sau này nữa, dưới thời kỳ từ 1930 trở đi, ý thức hệ của giai cấp vô sản được đề cao một cách tuyệt đối, ai có tư tưởng quốc gia thì bị phản đối, thậm chí còn bị miệt thị. Vậy mà có một ngọn cờ vừa dân tộc vừa dân chủ như Phan Bội Châu thì quả là vững vàng, quả là bất biến ứng vạn biến. Đứng về góc độ lý luận mà nói, thì còn phải chú ý một điều đặc sắc nữa. Hình như cũng đến đây, cái tư tưởng, cái chủ nghĩa anh hùng cách mạng mới được nêu cao, trước Phan Bội Châu chưa hề có. Phải đến Phan Bội Châu, những tấm gương của *chân tướng quân*, của *các bà mẹ*, rồi của *Phạm Hồng Thái* v.v... mới thực sự được nêu lên, được đặt vào vị trí xứng đáng của lịch sử tư tưởng của dân tộc. Hình như đến bây giờ, chưa ai như Phan Bội Châu nêu được điểm đặc sắc ấy. Viết lịch sử tư tưởng dân tộc của chúng ta, cần phải dành vị trí danh dự ấy cho Phan Bội Châu.

4. Nói riêng về lĩnh vực văn chương, học thuật, Phan Bội Châu cũng rất xứng đáng là con người có cái nhìn và có những hành động phát triển, tuy rằng những cố gắng này của ông không được quan tâm lắm. Xã hội phát triển, văn chương cũng phát triển, Phan Bội Châu bị xem là con người thuộc về lớp cũ. Những người có khuynh hướng mới được quen tên biết tiếng hơn (như Phan Khôi, Đào Duy Anh), nên không ai biết rằng nghiên cứu Khổng giáo, nghiên cứu Kinh dịch, Phan Bội Châu cũng có tư tưởng rất mới. Về thơ ca cũng vậy, người ta chỉ biết trầm trồ - thuộc lòng bài *Văn tế Phan Châu Trinh*, mà không ai nhớ được những bài thơ bình dân của Phan Bội Châu, kể cả lời đề tựa của ông cho *Tập thơ rời*. Do đó mà khuynh hướng phát triển ở Phan Bội Châu, còn bị người ta xem nhẹ.

Chừng ấy nhận xét, tưởng cũng đủ nói lên tư tưởng của Phan Bội Châu về “chủ thuyết phát triển” ở nơi ông - một chủ thuyết rất đáng được gia công nghiên cứu đối với giới học thuật nước nhà.

Tháng 7 năm 2010

C T

TÓM TẮT

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, quan niệm về chủ thuyết phát triển có lẽ chưa từng được đặt ra một cách nghiêm túc. Phải chờ đến cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, các nhà Nho có đầu óc canh tân mới khởi xướng và cổ súy mạnh mẽ các chủ thuyết phát triển mà Phan Bội Châu là một trường hợp tiêu biểu.

Bài viết bàn về chủ thuyết phát triển trong tư tưởng của Phan Bội Châu thông qua mấy vấn đề hệ trọng gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của ông: Vấn đề đường lối cách mạng; chủ trương bạo động cầu Nhật; thuyết Pháp-Việt đề huề; và những vấn đề liên quan đến các lực lượng cách mạng.

Đây cũng chính là những vấn đề cần xét lại trong một số công trình nghiên cứu về Phan Bội Châu trong thời gian qua.

ABSTRACT

VALUE AND SIGNIFICANCE OF PHAN BỘI CHÂU'S IDEALISTIC HERITAGE IN RESEARCH ON THE DOCTRINE DEVELOPMENT OF VIETNAM AT PRESENT

During the national founding and protecting history of Vietnam, it was not until late 19th - early 20th century that the concept of developing doctrine was put forward strongly and seriously by open-minded Confucian scholars. Among them was Phan Bội Châu.

The article talks about the “doctrine development” of Phan Bội Châu’s thoughts through important issues connected with his life and career: Revolutionary policy, violent policy with Japanese assistance, “Franco-Vietnamese Alliance” doctrine, and problems relating to revolutionary forces.

These issues have also been reconsidered by some research works on Phan Bội Châu’s thoughts during the past years.